

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật
địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy
chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và
Công nghệ Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân
sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật;*

*Xét Tờ trình số 446/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Quảng Ngãi về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi ngân sách nhà
nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt
động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi ngân sách nhà
nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt
động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức chi ngân sách
nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho
hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm của tỉnh.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Thông tin - Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthdnd (dtqq).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

QUY ĐỊNH

**Mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở,
hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- c) Các cơ quan nhà nước; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Điều 2. Mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến về hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Mức chi đối với các nội dung công việc có tính chất phổ biến trong hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương được áp dụng theo các mức chi có nội dung tương tự quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm cả:

1. Mức chi công tác phí trong nước, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

2. Mức chi dịch thuật, mức chi tiếp khách, tổ chức hội nghị trong nước và quốc tế: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3. Mức chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

4. Mức chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bằng 80% mức lương tối đa tương ứng quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở xác định giá gói thầu;

5. Mức chi thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài: Căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả và hiệu quả của việc thuê chuyên gia để trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở hồ sơ, tài liệu chứng minh và kết quả thương thảo về yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia;

6. Mức chi tạo lập thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Mức chi tổ chức hoạt động đào tạo nghiệp vụ về tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

8. Mức chi tổ chức các hoạt động tuyên truyền: Áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

9. Mức chi tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

10. Mức chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Điều 3. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi biên soạn bản đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

1.440.000 đồng/bản đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức chi xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi;

Thành viên: 560.000 đồng/người/buổi.

3. Mức chi thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 4. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi soạn thảo kế hoạch phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

1.600.000 đồng/kế hoạch được duyệt.

2. Mức chi thuê tổ chức, cá nhân sáng tạo nội dung sản xuất, xuất bản các sản

phẩm truyền thông để phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên các nền tảng số, mạng xã hội. Mức chi được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thuê, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xét duyệt; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Mức chi tổ chức các hoạt động phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương, bao gồm cả việc tổ chức các cuộc thi, hội thi: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi thu thập, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, tư liệu về các cam kết quốc tế có liên quan; căn cứ pháp lý, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng quản lý: Áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND.

2. Mức chi lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, mối nguy và mức độ rủi ro nhằm xác định phương thức, biện pháp quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Mức chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: Mức chi căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có), giá niêm yết hoặc báo giá liên quan.

Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: 400.000 đồng/ngày công.

b) Mức chi tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương; biên soạn thuyết minh đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương; lập báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: 800.000 đồng/ngày công.

Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: Được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

3. Mức chi tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đơn ngành, lĩnh vực, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): 32.000.000 đồng/01 dự thảo.

b) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên ngành, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): Bằng 200% mức chi quy định tại điểm a khoản này.

c) Tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bằng 60% mức chi được quy định tại điểm a và b khoản này.

4. Mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

8.000.000 đồng/01 báo cáo; mức chi đánh giá tác động của dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 4.800.000 đồng/01 báo cáo.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương có tính liên ngành, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc gây phát sinh chi phí tuân thủ lớn cho doanh nghiệp, cơ quan chủ trì soạn thảo được thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực hiện đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đấu thầu.

5. Mức chi tổ chức các cuộc họp tổ soạn thảo, hội thảo chuyên đề, hội thảo tham vấn, góp ý đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: 560.000 đồng/buổi;

c) Đại biểu tham dự: 400.000 đồng/người/buổi.

6. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học: 560.000 đồng/01 phiếu ý kiến; mức chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý: 1.600.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

7. Mức chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Chủ tịch Hội đồng: 1.440.000 đồng/buổi;

b) Thành viên: 1.200.000 đồng/người/buổi;

c) Mức chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên vắng mặt tại cuộc họp thẩm định: 800.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

8. Mức chi đăng tải hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương lấy ý kiến rộng rãi; kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 800.000 đồng/01 hồ sơ/01 nơi đăng tải.

Điều 6. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu, đánh giá, phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu về hiệu quả áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND.

2. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia: 400.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

3. Mức chi hội thảo chuyên đề góp ý:

a) Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: 560.000 đồng/buổi;

c) Đại biểu: 240.000 đồng/người/buổi.

4. Mức chi tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng: 4.000.000 đồng/01 báo cáo.

Điều 7. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố

1. Mức chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy

mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở

a) Mức chi thù lao đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: Bằng 70% mức chi quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND.

b) Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) hoặc giá niêm yết hoặc báo giá liên quan.

Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: 280.000 đồng/ngày công.

c) Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, thuyết minh dự thảo sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn cơ sở, thuyết minh đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn cơ sở; lập báo cáo kết quả thẩm định; lập báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: 560.000 đồng/ngày công.

Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử: Được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

2. Mức chi mua tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: Thực hiện theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc giá bán của tài liệu, tiêu chuẩn cần mua.

3. Mức chi tiền công biên soạn dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và thuyết minh dự thảo: 16.000.000 đồng/01 dự thảo tiêu chuẩn cơ sở kèm thuyết minh.

4. Mức chi hội thảo chuyên đề, hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở

a) Chủ trì: 800.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: 400.000 đồng/buổi;

c) Đại biểu tham dự: 160.000 đồng/người/buổi.

5. Mức chi xin ý kiến chuyên gia đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 400.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

6. Mức chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 800.000 đồng/bảng tổng hợp.

7. Mức chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng bằng 56% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; nếu thẩm tra theo phương pháp chuyên gia thì mức chi là 800.000 đồng/01 phiếu thẩm tra.

Điều 8. Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi mua bản quyền tài liệu, giáo trình, sách phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức giữ bản quyền tài liệu, giáo trình.

2. Phí đăng ký các khóa đào tạo, tập huấn trong nước: Thực hiện theo yêu cầu, giá niêm yết hoặc báo giá của nơi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

3. Mức chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Tiền công được xác định theo yêu cầu của chuyên gia, giảng viên phù hợp với yêu cầu đặt hàng của cơ quan chủ trì và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo chất lượng cao./.